

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **5728**/BTC-HTQTHà Nội, ngày **17** tháng **6** năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định ban
hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi
đặc biệt của Việt Nam để thực hiện
Hiệp định AHKFTA

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Các Hiệp hội: Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam; Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam; Hiệp hội Chăn nuôi Việt Nam; Hiệp hội Sữa Việt Nam; Hiệp hội Nhựa Việt Nam; Hiệp hội Phân bón Việt Nam; Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam; Hiệp hội Lương thực Việt Nam; Hiệp hội Hóa chất Việt Nam; Hiệp hội Thép Việt Nam; Hiệp hội Rau quả Việt Nam; Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam; Hiệp hội Dệt may Việt Nam; Hiệp hội Thức ăn chăn nuôi Việt Nam; Hiệp hội Cơ khí Việt Nam.

Để thực hiện cam kết của Việt Nam về thuế nhập khẩu trong Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc (sau đây gọi là Hiệp định AHKFTA), Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2020 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019-2022.

Ngày 08/3/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ-CP phê duyệt danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022 (Danh mục AHTN 2022). Nhằm thực hiện thống nhất với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam triển khai Danh mục AHTN 2022 và thực hiện cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo, căn cứ nguyên tắc ban hành biểu thuế, thuế suất tại Điều 10 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định trình Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA giai đoạn 2022-2027.

Thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính gửi Quý Cơ quan dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp

định AHKFTA giai đoạn 2022-2027 để nghiên cứu, tham gia ý kiến. (Do khối lượng tài liệu lớn, Bộ Tài chính kính đề nghị quý cơ quan truy cập Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính tại: <https://mof.gov.vn> hoặc liên hệ đầu mối Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tài chính: Nguyễn Thu Hằng, email: nguyenthuhang1@mof.gov.vn, điện thoại liên hệ: (024)2220.2828 (máy lẻ 7022), số di động: 091.425.1388 để nhận tài liệu).

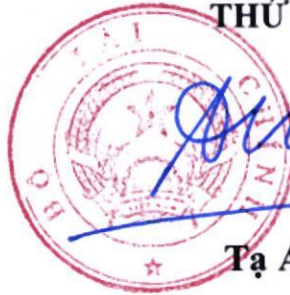
Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 4./7./2022 để tổng hợp, hoàn thiện, trình Chính phủ ký ban hành.

Bộ Tài chính cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải xin ý kiến);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải xin ý kiến);
- TCHQ, Vụ CST, Vụ PC (để có ý kiến);
- Lưu: VT, HTQT (18 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn

Số: /TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Về việc xây dựng Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi
đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do
ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2022-2027**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ nguyên tắc ban hành biểu thuế, thuế suất tại Điều 10 của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và biểu cam kết của Việt Nam về thuế nhập khẩu trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2022-2027 thay thế Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2020 của Chính phủ (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các hiệp hội liên quan, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), gửi đăng Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính (cơ quan soạn thảo) để xin ý kiến của các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/06/2020. Dự thảo Nghị định đã được hoàn chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông (sau đây gọi là Hiệp định AHKFTA) đã được các bên ký kết vào tháng 11/2017 bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 31 tại Philippines. Ngày 2/2/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP về việc ký Hiệp định AHKFTA và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 7/1/2019 về việc phê duyệt Hiệp định AHKFTA. Bộ Ngoại giao đã làm thủ tục thông báo việc phê duyệt Hiệp định AHKFTA thông qua Ban thư ký ASEAN vào ngày 05/03/2019.

Để thực hiện cam kết của Việt Nam về thuế nhập khẩu trong Hiệp định AHKFTA, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2020 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông giai đoạn 2019-2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2020.

1. Sửa đổi danh mục Biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu để thực hiện cam kết trong nội khối ASEAN

Ngày 8/3/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ-CP phê duyệt Danh mục Biểu thuế hải hòa ASEAN phiên bản 2022 (Danh mục AHTN 2022) trong đó quy định “*Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Danh mục AHTN 2022*”. Danh mục AHTN 2022 cấu trúc lại một số nhóm hàng, phân nhóm hàng, chi tiết thêm một số dòng hàng mới, những thay đổi này mục đích là để phù hợp với sự phát triển công nghệ và trao đổi thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết theo các công ước, hiệp ước nhằm bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh thế giới, kiểm soát hóa chất, vũ khí độc hại, v.v... Việc phê duyệt Danh mục AHTN 2022 đảm bảo tuân thủ Công ước quốc tế về Hệ thống hải hòa mô tả và mã hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới, Hiệp định hải quan ASEAN đã được ký kết ngày 30/3/2012; Nghị định thư thực hiện Danh mục thuế quan hải hòa ASEAN đã được ký kết vào ngày 7/8/2003 và các Nghị định thư sửa đổi AHTN vào năm 2004 và năm 2010.

Để bảo đảm tính tuân thủ các cam kết quốc tế và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 29/NQ-CP phê duyệt Danh mục Biểu thuế hải hòa ASEAN phiên bản 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 31/022/TT-BTC ngày 08/06/2022 ban hành danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam với hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2022 (thay thế cho Thông tư số 65/2017/TT-BTC ban hành danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo Danh mục AHTN 2017 với hiệu lực thi hành từ 01/01/2018). Đồng thời, để phù hợp với Luật hải quan, Điều 26 quy định “*Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hải hòa mô tả và mã hóa hàng hóa... Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thống nhất trong toàn quốc*” và Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Điều 16, khoản 3 quy định “*Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sử dụng để xây dựng các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*”, Bộ Tài chính cần xây dựng và ban hành Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA giai đoạn 2022 – 2027 để đảm bảo thống nhất với danh mục AHTN 2022.

2. Chuyển đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do có sự thay đổi về danh mục biểu thuế nhập khẩu theo danh mục hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá nhập khẩu mới (AHTN 2022).

Tiếp tục triển khai cam kết cho giai đoạn từ năm 2022, tuân thủ Hiệp định hải quan ASEAN liên quan đến việc áp dụng Danh mục Biểu thuế hải hòa ASEAN (AHTN) phiên bản 2022 của ASEAN và Danh mục hải hòa mô tả và mã hóa hàng hóa phiên bản 2022 của Tổ chức Hải quan thế giới, Bộ Tài chính đã tiến hành chuyển đổi biểu thuế AHKFTA từ AHTN 2017 sang AHTN 2022 để làm cơ sở ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam cho giai đoạn 2022-2027.

Danh mục AHTN 2022 đã hoàn thiện gồm 21 Phần, 97 Chương, 1.228 nhóm ở cấp độ 4 số, 4.084 phân nhóm ở cấp độ 6 số và được chi tiết thành 11.414 dòng hàng ở cấp độ 8 số (tăng 601 dòng hàng so với Danh mục AHTN 2017). Theo đó biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt cũng thay đổi tương ứng về số dòng thuế và một số mức thuế suất do bị gộp dòng thuế, chuyển mã và mở dòng thuế mới. Vì vậy, cần thiết phải thực hiện chuyển đổi mức thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định số 07/2020/NĐ-CP trên cơ sở bảo đảm phù hợp với cam kết của Hiệp định.

Từ các nội dung nêu trên, Bộ Tài chính cho rằng việc ban hành Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA giai đoạn 2022 – 2027, thay thế Nghị định số 07/2020/NĐ-CP là cần thiết, đảm bảo tính đồng bộ khi áp dụng Danh mục AHTN 2022 giữa các biểu thuế.

Giai đoạn 2019-2022, việc ban hành Nghị định số 07/2020/NĐ-CP đã thực hiện theo đúng lộ trình cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo quy định của Hiệp định AHKFTA và theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm, và góp phần hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện Nghị định 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2020 không nảy sinh các vấn đề, bất cập *(nội dung tổng kết thi hành và đánh giá tác động Nghị định 07/2020/NĐ-CP giai đoạn 2019 – 2022 tại Phụ lục 1 đính kèm)*.

II. Quan điểm, mục tiêu xây dựng Nghị định

- Thực hiện đúng cam kết của Hiệp định AHKFTA và đảm bảo tính tương thích của Nghị định với điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết; bao gồm việc tuân thủ cam kết tại Hiệp định hải quan ASEAN (Điều 19 Hiệp định hải quan ASEAN) về việc áp dụng Danh mục AHTN 2017 của ASEAN và Danh mục HS

phiên bản 2022 của Tổ chức Hải quan thế giới khi xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA.

- Tuân thủ đúng quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 về thẩm quyền ban hành các Biểu thuế ưu đãi đặc biệt, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành; Phù hợp với quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

- Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan số 54/2014/QH13, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

- Tuân thủ nguyên tắc xây dựng biểu thuế khi chuyển đổi trong Hiệp định AHKFTA, đảm bảo lợi ích và tuân thủ đúng cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam.

III. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

1. Dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 6 điều và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, cụ thể:

- Điều 1 – Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc và điều kiện được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

- Điều 2 - Đối tượng áp dụng

Phù hợp với đối tượng thực hiện Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Hải quan, Nghị định này quy định 3 đối tượng áp dụng là: (i) Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (ii) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (iii) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

- Điều 3 - Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định AHKFTA cho giai đoạn 2022-2027.

Quy định về việc ban hành kèm theo Nghị định này Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA giai đoạn 2022 – 2027 (thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt áp dụng gọi là thuế suất AHKFTA), bao gồm các chú giải và quy tắc tổng quát giải thích việc phân loại

hàng hóa; mã hàng, tên gọi và mô tả hàng hóa, và thuế suất AHKFTA áp dụng cho các giai đoạn khác nhau.

Về giai đoạn áp dụng của Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định: Bộ Tài chính đề xuất áp dụng cho giai đoạn 2022-2027 để (i) phù hợp với thời điểm hiệu lực của Nghị định là từ ngày 01/12/2022; (ii) đồng bộ hóa với Lộ trình rà soát sửa đổi Hệ thống hài hoà Mô tả và Mã hoá hàng hoá của Tổ chức Hải quan thế giới (Danh mục HS) và Danh mục Biểu thuế hài hoà ASEAN (AHTN) định kỳ 5 năm (iii) đảm bảo tính ổn định và dễ theo dõi cho doanh nghiệp.

Về thuế suất: Nghị định quy định mức thuế suất theo đúng cam kết của Việt Nam theo Hiệp định AHKFTA. Việt Nam không cam kết thuế suất đối với các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan trong AHKFTA nên Nghị định không có điều khoản quy định về mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với số lượng hàng hoá nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan đối với những mặt hàng này.

- Điều 4 - Quy định về Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, tương tự theo quy định tại Nghị định Biểu thuế ưu đãi đặc biệt hiện hành, gồm các điều kiện sau:

- (i) Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định;
- (ii) Được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước là thành viên của Hiệp định AHKFTA và hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam;
- (iii) Được vận chuyển trực tiếp từ các nước xuất khẩu là thành viên của Hiệp định AHKFTA và hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam vào Việt Nam.
- (iv) Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa và có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu AHK theo quy định của Hiệp định AHKFTA và quy định hiện hành của pháp luật.

- Điều 5 - Hiệu lực thi hành: Nghị định sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2022. Bãi bỏ Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2020.

- Điều 6 - Trách nhiệm thi hành, quy định các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

2. Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định

Biểu cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định AHKFTA được ký kết trên cơ sở Danh mục hàng hóa AHTN 2022. Nhằm

triển khai thực hiện cam kết trong Hiệp định AHKFTA, tuân thủ Hiệp định hải quan ASEAN liên quan đến việc áp dụng Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN (AHTN) phiên bản 2022 của ASEAN và Danh mục hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa phiên bản 2022 (HS) của Tổ chức Hải quan thế giới, Bộ Tài chính đã tiến hành chuyển đổi biểu thuế AHKFTA từ AHTN 2017 sang AHTN 2022 để làm cơ sở ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt AHKFTA của Việt Nam cho giai đoạn 2022-2027.

(Nội dung phương án chuyển đổi Biểu thuế AHKFTA chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Do thay đổi Danh mục từ AHTN 2022 sang AHTN 2027, biểu thuế bao gồm 37 dòng hàng ảnh hưởng bởi việc thay đổi mã hàng, tách gộp dòng. Đối với những dòng hàng này, Bộ Tài chính đã xây dựng thuế suất theo nguyên tắc không làm xói mòn cam kết quốc tế theo các nguyên tắc chuyển đổi của WTO, đồng thời đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện.

Các nhóm hàng chính thực hiện tách dòng 10 số khi chuyển đổi Biểu thuế AHKFTA theo AHTN 2017 là: Thủy sản (nhóm 0307), cây và các bộ phận của cây (nhóm 1211), thuốc trừ sâu (nhóm 3808), sẫm lớp (nhóm 4011)...

Thuế suất AHKFTA được xây dựng trên nguyên tắc tuân thủ cam kết theo Lộ trình cắt giảm thuế quan của Việt Nam quy định tại Hiệp định Thương mại hàng hoá giữa ASEAN và Hồng Kông, Trung Quốc. Về tổng thể, Biểu thuế AHKFTA theo AHTN 2022 giai đoạn 2022-2027 gồm 11.464 dòng hàng (3.796 dòng có thuế và 5.401 dòng không có thuế), trong đó gồm 11.373 dòng thuế theo cấp độ 8 số và 91 dòng thuế được chi tiết theo cấp độ 10 số (từ 38 dòng cấp độ 8 số).

Về danh mục cam kết: Theo kết cấu mới của Biểu thuế AHKFTA, số dòng thuế thuộc các danh mục cam kết theo AHTN 2022 đều tăng hơn so với AHTN 2017. Tỷ lệ xóa bỏ thuế quan trong AHKFTA giai đoạn 2022 – 2027 vào khoảng 71,42% số dòng thuế của Biểu thuế AHKFTA. Danh mục cam kết theo kết cấu Biểu thuế AHKFTA giai đoạn 2022-2027 cụ thể như sau:

Danh mục	AHTN 2017		AHTN 2022	
	Số dòng thuế	Tỷ trọng	Số dòng thuế	Tỷ trọng
Xóa bỏ thuế quan	7.818	72,02%	8.188	71,42%
Nhạy cảm	457	4,21%	458	4%
Nhạy cảm cao	536	4,94%	551	4,8%
Không cam kết	2.045	18,84%	2.267	19,77%
Tổng biểu	10.856	100.00%	11464	100.00%

IV. Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định và ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định

Thực hiện quy định tại Điều 146, Điều 148 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 sửa đổi tại khoản 44 và khoản 46 Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi ngày 18/6/2020 về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn nhằm thực hiện điều ước quốc tế có liên quan bao gồm cam kết của Việt Nam trong Hiệp định AHKFTA cho giai đoạn 2022 – 2027 và Danh mục AHTN 2022 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2022.

- Ngày 11/5/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã có Quyết định số 694/QĐ-BTC ngày 11/05/2022 về thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN- Hồng Kông giai đoạn 2022-2027. Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã tổ chức các cuộc họp, hội thảo để xin ý kiến các chuyên gia, thành viên Tổ soạn thảo, chi cục hải quan địa phương và doanh nghiệp.

- Ngày ..., Bộ Tài chính đã có công văn số gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các hiệp hội liên quan, gửi đăng Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính (cơ quan soạn thảo) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Sau khi tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân, ngày, Bộ Tài chính đã có công văn số gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định (*trình kèm Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định*)

2. Tổng hợp ý kiến tham gia và tiếp thu/giải trình của Cơ quan soạn thảo:

3. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

V. Về thủ tục hành chính, điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính và vấn đề bình đẳng giới

1. Về thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Về vấn đề bình đẳng giới

Nghị định quy định trung tính về giới và có tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với cả hai giới, không có nội dung tạo ra sự phân biệt đối xử về giới.

3. Về điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do cơ quan hải quan thực hiện nên Nghị định không làm phát sinh chi phí tuân thủ cũng như nguồn nhân lực của cơ quan Hải quan.

VI. Kiến nghị

Để đảm bảo chủ động trong ban hành Nghị định phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như đảm bảo thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hiệp định AHKFTA, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

- Phê duyệt và ký ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA giai đoạn 2022-2027.

- Giao Bộ Tài chính chủ trì theo dõi việc thực hiện Nghị định.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, HTQT.

Hồ Đức Phớc

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

**Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam
để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông,
Trung Quốc giai đoạn 2022-2027**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2022-2027.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2022-2027 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

1. Ban hành kèm theo Nghị định này Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2022-2027 (thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt áp dụng sau đây gọi là thuế suất AHKFTA).

2. Cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và phân loại theo cấp mã 8 số hoặc 10 số.

Trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, người khai hải quan kê khai mô tả, mã hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sửa đổi, bổ sung và áp dụng thuế suất của mã hàng hoá được sửa đổi, bổ sung quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

Phân loại hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cột “Thuế suất AHKFTA (%)”: Thuế suất áp dụng cho các giai đoạn khác nhau, bao gồm:

a) 01/12/2022 - 31/12/2022: Thuế suất áp dụng từ ngày 1 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022;

b) 2023: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023;

c) 2024: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024;

d) 2025: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025;

e) 2026: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026;

f) 2027: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Ký hiệu “*”: hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế suất AHKFTA tại thời điểm tương ứng.

5. Đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong hạn ngạch là mức thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này; danh mục và lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch áp dụng theo quy định của Chính phủ tại thời điểm nhập khẩu.

Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất AHKFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Được nhập khẩu từ các nước là thành viên của Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc, bao gồm các quốc gia và vùng lãnh thổ sau:

- a) Bru-nây Đa-rút-xa-lam;
- b) Vương quốc Cam-pu-chia;
- c) Cộng hoà In-đô-nê-xi-a;
- d) Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào;
- đ) Ma-lay-xi-a;
- e) Cộng hòa Liên bang Mi-an-ma;
- g) Cộng hoà Phi-líp-pin;
- h) Cộng hoà Xinh-ga-po;
- i) Vương quốc Thái Lan;
- k) Đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa;
- l) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (bao gồm hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước).

3. Được vận chuyển trực tiếp từ nước xuất khẩu theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định này vào Việt Nam, do Bộ Công Thương quy định.

4. Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa và có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu AHK theo quy định của Hiệp định AHKFTA và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2022.
2. Bãi bỏ Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN – Hồng Kông giai đoạn 2019-2022.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục 1
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NGHỊ ĐỊNH BAN HÀNH BIỂU
THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT ĐỂ THỰC HIỆN CAM KẾT CỦA
VIỆT NAM TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
ASEAN – HỒNG KÔNG

(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP
ngày tháng năm 2022 của Chính phủ)

1. Đánh giá tổng thể

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tinh hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam và Hồng Kông.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AHKFTA giai đoạn 2022 - 2027 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định AHKFTA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định AHKFTA

Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2022 của Chính phủ quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo lộ trình cam kết tại Hiệp định AKFTA, áp dụng cho giai đoạn 2019 - 2022. Việc ban hành Nghị định theo đúng lộ trình cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo quy định của Hiệp định và theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam đã góp phần hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh

bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

Về kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hồng Kông, thống kê hải quan cho thấy, số liệu nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt xấp xỉ 1,4 tỷ USD. Theo đó, năm 2021 giá trị nhập khẩu tăng 46% so với năm 2020, từ khoảng 1,1 tỷ USD lên 1,6 tỷ USD. Diện mặt hàng nhập khẩu chính từ Hồng Kông (có giá trị từ 20 triệu USD trở lên). Trong cơ cấu nhập khẩu năm 2021, nhập khẩu từ thị trường Hồng Kông tập trung vào các nhóm hàng: Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày; Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng; phế liệu sắt thép; điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện và hàng hóa khác (số liệu tham khảo tại Bảng 1).

Bảng 1: Các nhóm hàng nhập khẩu chính từ thị trường Hồng Kông

Nhóm mặt hàng	Giá trị nhập khẩu năm 2021 (triệu USD)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	388,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	339,6
Phế liệu sắt thép	231,5
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	151,5
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	132,5
Điện thoại các loại và linh kiện	125,2
Vải các loại	68,8
Hàng hóa khác	44,9
Sản phẩm từ chất dẻo	27,5
Sản phẩm từ giấy	27,5
Tổng	1.538

Về tỷ lệ hàng hóa đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt AHKFTA (có Giấy chứng nhận xuất xứ C/O mẫu AHK), năm 2019 không ghi nhận số liệu C/O AHK, trung bình giai đoạn 2020 – 2021 đạt giá trị không đáng kể, vào khoảng 0,1% tổng kim ngạch từ Hồng Kông (trung bình 180 nghìn USD mỗi năm). Năm 2020, ghi nhận sự tăng mạnh tỷ lệ tận dụng C/O mẫu AHK, gấp 12 lần so với năm 2020 (từ 28 nghìn USD trong năm 2020 lên 344 nghìn USD trong năm 2021). Mặc dù vậy, về giá trị tuyệt đối có thể nói tác động từ việc thực hiện AHKFTA lên việc tận dụng ưu đãi thuế trong giai đoạn 2020 đến 2021 là vẫn là không đáng kể.

Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất AHKFTA bao gồm các mặt hàng là chất thơm, mỹ phẩm, máy móc thiết bị phụ tùng,....

Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất AHKFTA

Nhóm hàng	Giá trị nhập khẩu 2021 hưởng form AHK
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	245.209
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	57.161

Quá trình thực hiện Nghị định 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2022 không phát sinh các khó khăn, vướng mắc. Việc ban hành Nghị định biểu thuế cho giai đoạn tiếp theo cần kế thừa các nội dung đã thể hiện được giá trị thực tế trong thực thi cam kết.

3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

- Biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Do tác động của việc nhập dòng thuế khi thực hiện chuyển đổi và tuân thủ nguyên tắc chuyển đổi không làm xói mòn cam kết, một số dòng thuế sau khi nhập dòng có mức thuế suất ưu đãi hơn so với Nghị định 07/2020/NĐ-CP, đồng thời việc phân loại mã hàng và mô tả hàng hoá theo AHTN 2022 đòi hỏi chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số để bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 07/2020/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định AHKFTA đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

Do thay đổi Danh mục từ AHTN 2017 sang AHTN 2022, biểu thuế bao gồm 37 dòng hàng ảnh hưởng bởi việc thay đổi mã hàng, tách gộp dòng. Đối với những dòng hàng này, Bộ Tài chính đã xây dựng thuế suất theo nguyên tắc không làm xói mòn cam kết quốc tế.

Các nhóm hàng chính thực hiện tách dòng 10 số khi chuyển đổi Biểu thuế AHKFTA theo AHTN 2017 là: Thủy sản (nhóm 0307), cây và các bộ phận của cây (nhóm 1211), thuốc trừ sâu (nhóm 3808), xăm lớp (nhóm 4011)...

- Kim ngạch nhập khẩu của các nhóm hàng này vào khoảng 454 triệu USD (chiếm 27.87% tổng nhập khẩu từ Hồng Kông năm 2022). Mức thuế suất từ 0% - 24% và không cam kết.

- Trong giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2027, mức thuế suất trung bình tại Hiệp định AHKFTA giảm từ 3,92% năm 2023 xuống 1,85% năm 2027. Mức thay đổi thuế suất trung bình lớn nhất diễn ra trong năm 2027 với mức giảm từ 2,88% năm 2026 xuống 1,85% trong năm 2027.

Bảng 3: Mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt AHKFTA

	2023	2024	2025	2026	2027
Thuế suất trung bình	3,92	3,92	2,88	2,88	1,85

Theo số liệu thống kê hải quan thời gian qua, giá trị nhập khẩu từ Hồng Kông chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng nhập khẩu từ thế giới (chưa đến 1%), đồng thời tỷ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường các nước ASEAN và Hồng Kông AHKFTA bình quân giai đoạn 2018-2021 khá khiêm tốn - tương đương với tăng 5%/năm. Số liệu đánh giá trên cho thấy tổng thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường AHKFTA của những nhóm hàng chịu tác động điều chỉnh sẽ tăng/giảm không đáng kể.

Phụ lục 2
NGUYÊN TẮC VÀ KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI BIỂU THUẾ AHKFTA TỪ
AHTN 2017 sang AHTN 2022
(Kèm theo Nghị định số /2022/ND-CP ngày tháng năm 2022
của Chính phủ)

— — — — —

1. Nguyên tắc chuyển đổi biểu thuế

1. Căn cứ pháp lý và cơ sở chuyển đổi kỹ thuật.

Việc chuyển đổi biểu cam kết được thực hiện trên cơ sở sau:

- Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2022 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hải hòa ASEAN phiên bản 2022;

- Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 28/12/2016 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hải hòa ASEAN phiên bản 2017;

- Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Bảng tương quan 2 chiều AHTN 2022 và AHTN 2017 đã được các nước ASEAN thống nhất;

- Dự thảo Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Phương pháp/Nguyên tắc chung chuyển đổi biểu thuế cụ thể như sau:

- Trường hợp 1 (Giữ nguyên dòng hàng hoặc tách dòng):

Trong trường hợp dòng hàng mới (theo AHTN 2017) giống với dòng hàng cũ (AHTN 2012) về mã số, phạm vi mặt hàng hoặc tách ra từ một dòng hàng AHTN 2012: Áp dụng nguyên tắc 1 là lấy cam kết quan theo dòng hàng AHTN 2012 để đảm bảo sự ổn định, không tạo ra biến động về thuế. Rà soát áp dụng theo cam kết gốc của các Hiệp định từ thời điểm gia nhập (dựa trên AHTN 2007 hoặc AHTN 2002) đối với những nhóm hàng nhạy cảm, có kim ngạch nhập khẩu lớn để đảm bảo tối đa lợi ích và quyền lợi bảo lưu cam kết thuế quan của Việt Nam.

- Trường hợp 2 (Gộp các dòng thuế có cam kết theo AHTN 2012 giống nhau):

Trong trường hợp dòng hàng mới (theo AHTN 2017) được gộp từ các dòng hàng cũ (AHTN 2012) có cam kết thuế quan giống nhau: Áp dụng nguyên tắc 2 là lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2012.

- Trường hợp 3 (Gộp các dòng thuế có cam kết theo AHTN 2012 khác nhau):

Trong trường hợp dòng hàng mới (theo AHTN 2017) được gộp từ các dòng hàng cũ (AHTN 2012) có cam kết thuế quan khác nhau thì áp dụng các nguyên tắc sau đây:

+ *Nguyên tắc 3.1:* Tách dòng hàng mới và giữ nguyên cam kết thuế ban đầu trước khi chuyển đổi trong trường hợp dòng thuế bị gộp có mức thuế suất chênh

lệch lớn và có kim ngạch lớn, tác động đến sản xuất trong nước và số thu ngân sách nhà nước;

+ *Nguyên tắc 3.2*: Nhập dòng và áp dụng mức thuế suất thấp nhất của các dòng hàng theo AHTN 2012 cho dòng hàng theo AHTN 2017;

+ *Nguyên tắc 3.3*: Nhập dòng và áp dụng mức thuế suất theo dòng hàng theo AHTN 2012 chiếm tỷ trọng thương mại lớn (theo kim ngạch nhập khẩu trong FTA và kim ngạch nhập khẩu từ thế giới);

+ *Nguyên tắc 3.4*: Nhập dòng và áp dụng mức thuế suất bình quân gia quyền theo kim ngạch thương mại của các dòng hàng theo AHTN 2012;

+ *Nguyên tắc 3.5*: Nhập dòng và áp dụng mức thuế suất trung bình của các dòng hàng theo AHTN 2012 trong trường hợp không xác định được phân bổ thương mại chính xác.

II. Kết quả chuyển đổi biểu thuế AHKFTA

❖ Chương 3

1. Mã hàng 0306.14.91 có mô tả *Cua bơi (cua thuộc họ Portunidae) - dạng đông lạnh, không hun khói*

2. Mã hàng 0306.14.92 có mô tả *Cua hoàng đế (thuộc họ Lithodidae) - dạng đông lạnh, không hun khói*

3. Mã hàng 0306.14.93 có mô tả *Cua tuyết (thuộc họ Orgoniidae) - dạng đông lạnh, không hun khói*

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0306.14.10 có mô tả *Cua, ghẹ vỏ mềm - dạng đông lạnh* và 0306.14.90 có mô tả *Loại khác (được hiểu là Cua, ghẹ loại khác - dạng đông lạnh)*.

- Về hiện trạng thuế: Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA là 2% (mã hàng 0306.14.10) và 0% (mã hàng 0306.14.90).

- Phương án xử lý:

Tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số theo mô tả sau:

- - - - - Cua vỏ mềm (tương quan với mã 0306.14.10)

- - - - - Loại khác (tương quan với mã 0306.14.90)

4. Mã hàng 0306.14.99 (AHTN 2022) có mô tả *Loại khác (được hiểu là Cua, ghẹ loại khác, dạng đông lạnh, không hun khói)*

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0306.14.10 có mô tả *Cua, ghẹ vỏ mềm - dạng đông lạnh* và 0306.14.90 có mô tả *Loại khác (được hiểu là Cua, ghẹ loại khác - dạng đông lạnh)*.

- Về hiện trạng thuế: Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA là 2% (mã hàng 0306.14.10) và 0% (mã hàng 0306.14.90).

- Phương án xử lý:

Tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế cụ thể như sau:

0306.14.99 - - - - Loại khác:

0306.14.99.10 - - - - Cua, ghẹ vỏ mềm (tương quan với mã 0306.14.10)

0306.14.99.90 - - - - Loại khác (tương quan với mã 0306.14.90)

5. Mã hàng 0307.21.10 (AHTN 2022) có mô tả Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae – dạng sống

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0307.21.10 có mô tả Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten – dạng sống và 0307.91.10 có mô tả Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người – dạng sống.

- Về hiện trạng thuế: Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA (11% và 8%)

- Phương án xử lý:

Tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số cụ thể như sau:

0307.21.10 - - - Sống:

0307.21.10.10 - - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten (tương quan với mã 0307.21.10)

0307.21.10.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 0307.91.10)

6. Mã hàng 0307.22.00 (AHTN 2022) có mô tả Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae – dạng đông lạnh

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0307.22.00 có mô tả Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten – dạng đông lạnh và 0307.92.00 có mô tả Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người – dạng tươi hoặc ướp lạnh.

- Về hiện trạng thuế: Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA (2% và 0%).

- Phương án xử lý:

Tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số cụ thể như sau:

0307.22.00 - - Đông lạnh:

0307.22.00.10 - - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten (tương quan với mã 0307.22.00)

0307.22.00.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 0307.92.00)

7. Mã hàng 0307.29.30 (AHTN 2022) có mô tả Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae – dạng khô, muối hoặc ngâm nước muối

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0307.29.30 có mô tả Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten – dạng khô, muối hoặc ngâm nước muối và 0307.99.30 có mô tả Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người – dạng khô, muối hoặc ngâm nước muối.

- Về hiện trạng thuế: Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA:

Mã hàng	AHKFTA
0307.29.30	0%
0307.99.30	6%

- Phương án xử lý:

Tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số cụ thể như sau:

0307.29.30 - - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối:

0307.29.30.10 - - - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten (tương quan với mã 0307.29.30)

0307.29.30.90 - - - - Loại khác (tương quan với mã 0307.99.30)

8. Mã hàng 0307.29.40 (AHTN 2022) có mô tả Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae – dạng hun khói

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0307.29.40 có mô tả Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten – dạng hun khói và 0307.99.40 có mô tả Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người – dạng hun khói.

- Về hiện trạng thuế: Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA:

Mã hàng	AHKFTA
0307.29.40	0%
0307.99.40	6%

- Phương án xử lý:

Tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số cụ thể như sau:

0307.29.40 - - - Hun khói:

0307.29.40.10 - - - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten (tương quan với mã 0307.29.40)

0307.29.40.90 - - - - Loại khác (tương quan với mã 0307.99.40)

9. Mã hàng 0307.49.31 có mô tả là Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepioloa spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*) - để hun khói

- Được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói.

- Tại AHKFTA mã hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.10 (Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepioloa spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*)).

- Phương án xử lý: Lấy tương quan với mã hàng 0307.49.30.10 tại AHKFTA.

10. Mã hàng 0307.49.39 (AHTN 2022) có mô tả là *Loại khác (Được hiểu là Mực nang và mực ống – để hun khói trừ Mực nang (Sepia officinalis, Rossia macrosoma, Sepiola spp.) và mực ống (Ommastrephes spp., Loligo spp., Nototodarus spp., Sepioteuthis spp.))*

- Được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói.

- Tại AHKFTA mặt hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.90 (Mực nang và mực ống hun khói - loại khác).

- Phương án xử lý: Lấy tương quan thuế với mã hàng 0307.49.30.90 tại AHKFTA.

❖ Chương 12

11. Mã hàng 1211.20.10 (AHTN2022) có mô tả là *Rễ cây nhân sâm loại tươi hoặc khô.*

12. Mã hàng 1211.20.90 (AHTN2022) có mô tả là *rễ cây nhân sâm loại khác*

- Hai mã này được tách từ mã 1211.20.00 có mô tả là Rễ cây nhân sâm. Tại AHKFTA mã hàng này được tách thành 02 mã 10 số là:

1211.20.00 - Rễ cây nhân sâm

1211.20.00.10 - - Dạng tươi hoặc khô

1211.20.00.90 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/ Loại khác

- Theo đó, mã hàng 1211.20.10 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.10 và mã hàng 1211.20.90 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.90

- Phương án xử lý: Lấy tương quan tương ứng với dòng 10 số.

13. Mã 1211.40.00 có mô tả là *Thân cây anh túc.*

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại AHKFTA mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên hiện thuế suất đều đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

14. Mã 1211.50.00 (AHTN2022) có mô tả là *Cây ma hoàng*

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại AHKFTA mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số tuy nhiên hiện thuế suất đều đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

15. Mã 1211.60.00 (AHTN2022) có mô tả là *Vỏ anh đào Châu Phi (Prunus africana)*

- Được gộp từ 2 mã AHTN2017 là mã 1211.90.16 có mô tả là loại khác, đã cắt nghiền hoặc dạng bột; và mã 1211.90.19 có mô tả là loại khác.

- Tại AHKFTA, Các mã 1211.90.16 và 1211.90.19 đều được tách thành 2 mã là:

1211.90.1x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.1x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Hiện có sự đồng nhất về thuế suất tại mã 1211.90.16.90 và 1211.90.19.90

- Phương án xử lý:

Tách thành 3 dòng thuế có sự chênh lệch thuế suất, cụ thể như sau:

1211.60.00 - Vò anh đào Châu Phi (*Prunus africana*):

1211.60.00.10 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh (tương quan với mã 1211.90.16.90)

1211.60.00.20 - - Dạng tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột (tương quan với mã 1211.90.16.10)

1211.60.00.90 - - Loại khác (tương quan với mã 1211.90.19.10)

16. 1211.90.11 có mô tả *Cây gai dầu, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột*

17. 1211.90.12 có mô tả *Cây gai dầu, ở dạng khác*

18. 1211.90.13 có mô tả *Rễ cây ba gác hoa đỏ*

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AHKFTA các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.1x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.1x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng đang có chênh lệch thuế suất.

19. 1211.90.15 có mô tả *Rễ cây cam thảo*

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AHKFTA, các mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.15 - - - Rễ cây cam thảo:

1211.90.15.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc xay thành bột

1211.90.15.20 - - - - Dạng tươi hoặc khô, loại khác

1211.90.15.30 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng đang có chênh lệch thuế suất.

20. Mã AHTN2022 gồm mã 1211.90.17 có mô tả là *Loại khác, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột*

21. Mã 1211.90.18 có mô tả là *Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột*

- Hai mã này được tách từ mã 1211.90.16 có mô tả là *Rễ cây nhân sâm*. Mã hàng này hiện được tách thành hai mã 10 số là:

1211.90.16 - - - Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.16.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.16.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

- Theo đó, mã hàng 1211.90.17 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.10 và mã hàng 1211.90.18 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.90

- Phương án xử lý: Lấy tương quan tương ứng với dòng 10 số.

22. 1211.90.19 có mô tả là *Loại khác*

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và mô tả so với AHTN 2017.

- Tại AIHKFTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.19 - - - Loại khác:

1211.90.19.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.19.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng đang có chênh lệch thuế suất.

23. 1211.90.91 có mô tả là *Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột*

24. 1211.90.92 có mô tả là *Cây kim cúc, ở dạng khác*

25. 1211.90.94 có mô tả là *Mảnh gỗ đàn hương*

26. 1211.90.95 có mô tả là *Mảnh gỗ trầm hương*

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIHKFTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.9x - - - Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.9x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.9x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng đang có chênh lệch thuế suất.

27. 1211.90.97 có mô tả là *Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm)*

- Tại AHKFTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.97 - - - Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm):

1211.90.97.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.97.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/Loại khác

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng đang có chênh lệch thuế suất.

28. 1211.90.98 có mô tả là *Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột*

29. 1211.90.99 có mô tả là *Loại khác*

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AHKFTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.9x - - - Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.9x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.9x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng đang có chênh lệch thuế suất.

❖ Chương 16

30. Mã 1601.00.10 (AHTN 2022) có mô tả là *Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó)*

- Được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là Mã 1601.00.10: - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần Mã 2106.90.99: loại khác

- Hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: AHKFTA (Mã 1601.00.10 là 22%, Mã 2106.90.99 là 15%).

- Phương án xử lý:

Tách dòng 10 số:

1601.00.10 - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ và loại khác

1601.00.10.10 - - Từ côn trùng (tương quan với mã 2106.90.99)

1601.00.10.90 - - Loại khác (tương quan với mã 1601.00.10)

31. Mã 1601.00.90 (AHTN 2022) có mô tả là *Loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó)*

- Được gộp từ 2 là 1601.00.90 có mô tả loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác

- Hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: AHKFTA (Mã 1601.00.90 là 22%, Mã 2106.90.99 là 15%).

- Phương án xử lý:

Tách dòng 10 số:

1601.00.90	- Loại khác
1601.00.90.10	- - Từ côn trùng (tương quan với mã 2106.90.99)
1601.00.90.90	- - Loại khác (tương quan với mã 1601.00.90)

32. Mã 1602.10.10 (AHTN 2022) có mô tả là *Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khi để bán lẻ (thuộc nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác)*.

- Được gộp từ 2 mã là 1602.10.10 có mô tả là Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khi để bán lẻ (thuộc nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác.) và một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác

- Hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: AHKFTA (Mã 1602.10.10 không cam kết, Mã 2106.90.99 là 15%).

- Phương án xử lý:

Tách dòng 10 số

1602.10.10	- - Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khi để bán lẻ:
1602.10.10.10	- - - Từ côn trùng (tương quan với mã 2106.90.99)
1602.10.10.90	- - - Loại khác (tương quan với mã 1602.10.10)

33. Mã 1602.10.90 (AHTN 2022) có mô tả là *Loại khác (thuộc - Chế phẩm đồng nhất, nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác)*

- Được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là Mã 1602.10.90 có mô tả là Loại khác (thuộc - Chế phẩm đồng nhất, nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác.) và một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác

- Hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: AHKFTA (Mã 1602.10.90 là không cam kết Mã 2106.90.99 là 15%)

- Phương án xử lý:

Tách dòng 10 số

- 1602.10.90 - - Loại khác:
- 1602.10.90.10 - - - Từ côn trùng (tương quan với mã 2106.90.99)
- 1602.10.90.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 1602.10.90)

Chương 30

34. Mã 3004.60.90 có mô tả là *Loại khác (Thuốc chứa chất chống sốt rét thuộc nhóm 30.04, nhưng không chứa artemisinin kết hợp với các thành phần có hoạt tính được khác, artesunate hoặc chloroquine)*

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại AHKFTA mã hàng này được tách thành 2 dòng 10 số nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

Chương 37

35. Mã 3705.00.30 có mô tả là *tấm và phim để tạo ảnh, đã phơi sáng và đã tráng, trừ phim dùng trong điện ảnh, dùng cho in offset.*

36. Mã hàng 3705.00.90 có mô tả là *loại khác của tấm và phim để tạo ảnh, đã phơi sáng và đã tráng, trừ phim dùng trong điện ảnh, ngoài loại dùng cho chụp X quang, vi phim và dùng cho in offset.*

- Mỗi mã hàng 3705.00.30 và 3705.00.90 tương quan với một phần của mã 3705.00.90 theo AHTN 2017. Mã 3705.00.90 theo AHTN 2017 là loại khác của tấm và phim để tạo ảnh, đã phơi sáng và đã tráng, trừ phim dùng trong điện ảnh, ngoài loại dùng cho chụp X quang và vi phim. Tại AHKFTA mã hàng này được tách thành 02 mã 10 số là:

3705.00.90.10: - - Dùng cho in offset

3705.00.90.90: - - Loại khác

Do vậy, mã hàng 3705.00.30 và 3705.00.90 theo AHTN 2022 tương quan 1-1 lần lượt với mã 3705.00.90.10 và 3705.00.90.90 theo AHTN 2017

- Phương án xử lý: Mã hàng 3705.00.30 theo AHTN 2022 lấy cam kết theo mã 3705.00.90.10 theo AHTN 2017 và 3705.00.90 theo AHTN 2022 lấy cam kết theo mã 3705.00.90.90.

❖ Chương 38

37. Mã 3808.59.11 có mô tả là *Thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g.*

- Được gộp từ một phần mã 3808.59.10 (Thuốc trừ côn trùng, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g) và mã 3808.91.30 (Thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt, không bao gồm loại đã nêu trong Chú giải phân nhóm 1 và 2 của Chương 38).

Trong đó, mã 3808.59.10 được tách thành 3 dòng 10 số, tuy nhiên, căn cứ mô tả, mã 3808.59.11 được xác định là chi tương quan với mã 3808.59.10.20 có mô tả là Hương vòng chống muỗi, tẩm thuốc diệt muỗi và các loại thuốc trừ côn trùng khác, dạng bình xịt.

38. Mã 3808.59.19 có mô tả là Thuốc trừ côn trùng loại khác ngoài dạng bình xịt, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g.

- Được gộp từ là một phần mã 3808.59.10 và mã 3808.91.90: Thuốc trừ côn trùng loại khác. Trong đó, mã 3808.59.10 được tách thành 3 dòng 10 số tại AHKFTA. Thuế suất của tất cả các dòng tại AHKFTA đều về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

39. Mã 3808.59.21 (AHTN 2022) có mô tả là Thuốc trừ nấm dạng bình xịt, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g

- Giữ nguyên mô tả và mã số, thu hẹp phạm vi so với mặt hàng này tại AHTN 2017.

- Tại AHKFTA được tách thành 2 dòng 10 số có sự chênh lệch thuế suất là (không cam kết – 0% và 2% - 0%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AHKFTA.

40. Mã 3808.61.40 có mô tả là loại khác, dạng lỏng, ngoài hương vòng chống muỗi, tẩm thuốc diệt muỗi và dạng bình xịt của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g của hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại AHKFTA mã hàng này được tách thành dòng 10 số nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

41. Mã 3808.61.90 có mô tả là loại khác ngoài hương vòng chống muỗi, tẩm thuốc diệt muỗi, dạng bình xịt, dạng lỏng, và có chức năng khử mùi của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g thuộc hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại AHKFTA mã hàng này được tách thành dòng 10 số nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

42. Mã 3808.62.10 có mô tả là Bột dùng làm hương vòng chống muỗi đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg thuộc hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Được tách thành 2 dòng 10 số theo AHKFTA tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

43. Mã 3808.62.50 có mô tả là loại khác, dạng lỏng, ngoài bột dùng làm hương vòng chống muỗi, hương vòng chống muỗi, tấm thuốc diệt muỗi và dạng bình xịt của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg thuộc hàng hóa nêu trong Chủ giải phân nhóm 2 của Chương 38

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Được tách thành 2 dòng 10 số tại AHKFTA nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

44. Mã 3808.62.90 có mô tả là loại khác, ngoài bột dùng làm hương vòng chống muỗi, hương vòng chống muỗi, tấm thuốc diệt muỗi, dạng bình xịt, và dạng lỏng của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5 kg của hàng hóa nêu trong Chủ giải phân nhóm 2 của Chương 38.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Được tách dòng 10 số tại AHKFTA nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

45. Mã 3808.69.10 có mô tả là bột dùng làm hương vòng chống muỗi đã đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5 kg của hàng hóa nêu trong Chủ giải phân nhóm 2 của Chương 38.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Được tách thành 2 dòng 10 số tại AHKFTA nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

46. Mã 3808.69.90 có mô tả là loại khác, với trọng lượng tịnh trên 7,5 kg, ngoài bột dùng làm hương vòng chống muỗi đã đóng gói của hàng hóa nêu trong Chủ giải phân nhóm 2 của Chương 38.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Được tách thành 2 dòng 10 số tại AHKFTA nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

47. Mã 3808.92.19 có mô tả là Thuốc trừ nấm dạng bình xịt có hàm lượng validamycin trên 3% tính theo trọng lượng tịnh, không bao gồm loại đã nêu trong Chủ giải phân nhóm 1 và 2 của Chương 38.

- Được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là một phần Mã 3808.59.21: Thuốc trừ nấm dạng bình xịt và Mã 3808.92.19. Trong đó, Mã 3808.59.21 được tách thành hai dòng 10 số tại AHKFTA nhưng thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

48. Mã 3909.31.10 có mô tả là Loại dùng để đúc

49. Mã 3909.31.90 có mô tả Loại khác

- Hai mã hàng này được tách từ mã 3909.31.00 có mô tả Poly(metylen phenyl isocyanat) (MDI thô, polymeric MDI).

- Tại AHKFTA, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số là 3909.31.00.10 có mô tả là Hợp chất dùng để đúc và 3909.31.00.90 có mô tả là Loại khác. Theo đó, mã hàng 3909.31.10 chỉ tương quan với 3909.31.00.10 và mã hàng 3909.31.90 chỉ tương quan với 3909.31.00.90.

- Phương án xử lý: Lấy tương quan tương ứng theo dòng 10 số tại AHKFTA.

50. Mã 3916.90.11 có mô tả là Từ polypropylen

51. Mã 3916.90.12 có mô tả là Từ polystyrene

52. Mã 3916.90.19 có mô tả là Loại khác

53. Mã 3916.90.30 có mô tả là Từ cellulose tái sinh; từ cellulose nitrate, cellulose acetate và các este cellulose, ete cellulose và các dẫn xuất hóa học khác của cellulose, đã hóa dẻo

- Các mã này được tách từ mã 3916.90.70 có mô tả là Từ các polyme trùng hợp khác; từ xenlulo tái sinh; từ nitrat xenlulo, acetat xenlulo và các este xenlulo khác, các ete xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo.

- Mã hàng này hiện được tách thành 2 dòng 10 số tại AHKFTA tuy nhiên thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

54. Mã 3916.90.21 có mô tả là Từ các nhựa phenolic; từ các nhựa amino

55. Mã 3916.90.22 có mô tả là Từ các polyamide

56. Mã 3916.90.29 có mô tả là Loại khác

- Các mã này được tách từ mã 3916.90.80 có mô tả là Từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp.

- Mã hàng này hiện được tách thành 2 dòng 10 số tại AHKFTA tuy nhiên thuế suất đã về 0%.

- Phương án xử lý: Gộp dòng lấy thuế suất 0%.

❖ Chương 40

57. Mã hàng 4011.70.00 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe và máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành các dòng 10 số có chênh lệch thuế suất tại AHKFTA.

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AHK do có sự chênh lệch thuế suất. Cụ thể như sau:

AHTN 2022	Mô tả	Tương quan
-----------	-------	------------

4011.70.00	- Loại dùng cho xe và máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp	
	- - Loại có hoa lốp hình chữ chi hoặc tương tự:	
4011.70.00.11	- - - Loại dùng cho máy kéo nông nghiệp hoặc lâm nghiệp thuộc nhóm 87.01 hoặc dùng cho máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30	- 4011.70.00.10
4011.70.00.19	- - - Loại khác	- 4011.70.00.20
	- - Loại khác:	
4011.70.00.91	- - - Loại dùng cho máy kéo, máy thuộc phân nhóm 84.29 hoặc 84.30 hoặc xe cút kít	- 4011.70.00.10
4011.70.00.99	- - - Loại khác	- 4011.70.00.90

58. Mã hàng 4011.80.11 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng, xe cút kít hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành các dòng 10 số có chênh lệch thuế suất tại AHKFTA.

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AHKFTA do có sự chênh lệch thuế suất. Cụ thể như sau:

AHTN 2022	Mô tả	Tương quan
4011.80.11	- - - Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng, xe cút kít hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác	
4011.80.11.10	- - - - Loại có hoa lốp hình chữ chi hoặc tương tự, dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng hoặc xe và máy xếp dỡ công	4011.80.11.90

	ng nghiệp khác	
4011.80.11.20	---- Loại khác, có hoa lớp hình chữ chỉ hoặc tương tự	4011.80.11.90
4011.80.11.90	---- Loại khác	4011.80.11.10

59. Mã hàng 4011.80.31 có mô tả là Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30

- Là một phần của mã 4011.80.21 có mô tả Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác

- Được tách thành 3 dòng 10 số tại các FTA tuy nhiên chỉ tương quan với 2 dòng 10 số là 4011.80.21.10 có mô tả Có hoa lớp hình chữ chỉ hoặc tương tự, 4011.80.21.20 và Loại khác, dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30. Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA.

- Phương án xử lý: Tách dòng có mô tả tương ứng tại AHKFTA, cụ thể:

4031.80.31 ---- Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30:

4011.80.31.10 ---- Có hoa lớp hình chữ chỉ hoặc tương tự (Tương quan với mã 4011.80.21.10)

4011.80.31.20 ---- Loại khác (Tương quan với mã 4011.80.21.20)

60. Mã hàng 4011.80.39 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Là một phần của mã 4011.80.21 có mô tả Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác

- Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA.

- Phương án xử lý: Tách dòng có mô tả tương ứng tại AHKFTA do ảnh hưởng thuế suất, cụ thể:

4031.80.39 ---- Loại khác:

4011.80.39.10 ---- Có hoa lớp hình chữ chỉ hoặc tương tự (Tương quan với mã 4011.80.21.10)

4011.80.39.20 ---- Loại khác (Tương quan với mã 4011.80.21.90)

61. Mã hàng 4011.90.10 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe thuộc Chương 87

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 các dòng 10 số tại AHKFTA có mô tả là:

4011.90.10 -- Loại dùng cho xe thuộc Chương 87

4011.90.10.10 - - - Có hoa lớp hình chữ chỉ hoặc tương tự

4011.90.10.90 - - - Loại khác

- Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA.

- Phương án xử lý: Bảo lưu việc tách dòng 10 số tại AHKFTA do chênh lệch thuế suất.

62. Mã hàng 4011.90.20 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 các dòng 10 số tại AHKFTA, có mô tả là:

4011.90.20 - - Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30

4011.90.20.10 - - - Có hoa lớp hình chữ chỉ hoặc tương tự

4011.90.20.90 - - - Loại khác

- Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA.

- Phương án xử lý: Bảo lưu việc tách dòng 10 số tại AHKFTA do còn chênh lệch thuế suất.

❖ Chương 48

63. Mã hàng 4810.14.10 (AHTN 2022) có mô tả là Đã in, dùng cho máy ghi tự động, không có chiều nào trên 360 mm.

- Được gộp từ 2 mã là 4810.14.11 có mô tả là Dùng cho các máy điện tim, siêu âm, phế dung kế, não điện kế và kiểm tra thai nhi và 4810.14.19 có mô tả là Loại khác.

- Các mã này có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA.

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số tại AHKFTA, cụ thể như sau:

4810.14.10 - - - Đã in, dùng cho máy ghi tự động, không có chiều nào trên 360 mm:

4810.14.10.10 - - - - Dùng cho các máy điện tim, siêu âm, phế dung kế, não điện kế và kiểm tra thai nhi (Tương quan với mã 4810.14.11)

4810.14.10.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 4810.14.19)

64. Mã hàng 4810.22.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Được gộp từ 2 mã là 4810.22.91 có mô tả là Dạng cuộn có chiều rộng không quá 150 mm, hoặc dạng tờ không có chiều nào trên 360 mm ở dạng không gấp và 4810.22.99 có mô tả là Loại khác.

- Các mã này có sự chênh lệch thuế suất AHKFTA (0% - 3%).

Phương án xử lý: Tách dòng 10 số tại AHKFTA cụ thể như sau:

4810.22.90 - - - Loại khác:

4810.22.90.10 - - - - Dạng cuộn có chiều rộng không quá 150 mm, hoặc dạng tờ không có chiều nào trên 360 mm ở dạng không gấp (Tương quan với mã 4810.22.91)

4810.22.90.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 4810.22.99)

Chương 51

65. Mã hàng 5112.11.10 có mô tả là Được in bằng phương pháp batik truyền thống

- Mã hàng này được tách từ một phần của mã 5112.11.00 có mô tả là Trọng lượng không quá 200 g/m².

Tại AHKFTA, mã hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 5112.11.00.10 có mô tả Được in bằng phương pháp batik truyền thống.

- Phương án xử lý: Lấy tương quan tương ứng

66. Mã hàng 5112.11.90 có mô tả là Loại khác

- Mã hàng này được tách từ một phần của mã 5112.11.00 có mô tả là Trọng lượng không quá 200 g/m²

Tại AHKFTA, mã hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 5112.11.00.90 có mô tả Loại khác.

- Phương án xử lý: Lấy tương quan tương ứng.

❖ Chương 84

67. Mã hàng 8409.99.72 (AHTN 2022) có mô tả Thân động cơ (cylinder block); hộp trục khuỷu.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại AHKFTA là 8409.99.72.10 có mô tả Thân động cơ (không cam kết thuế suất) và 8409.99.72.20 có mô tả Hộp trục khuỷu (thuế suất lần lượt 6%, 2%, 3,5%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AHKFTA.

68. Mã 8479.83.00 có mô tả Máy ép lạnh đẳng nhiệt

- Gộp từ 4 mã là một phần mã 8479.81.10, một phần mã 8479.81.20, một phần mã 8479.89.39 và một phần mã 8479.89.40. Thuế suất hầu hết đồng nhất, tuy nhiên tại AHKFTA, mã hàng 8479.89.39 không cam kết thuế suất ưu đãi (áp dụng thuế MFN là 0%).

- Phương án xử lý: Do thuế suất MFN là 0% nên không tách dòng tại AHKFTA mà lấy thuế suất ưu đãi nhất. Không gây ra tác động giảm thu ngân sách.

69. Mã hàng 8485.80.00 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Được gộp từ 3 mã 8441.80.10 có mô tả Hoạt động bằng điện, 8465.99.60 có mô tả Loại khác, hoạt động bằng điện, 8479.89.39 có mô tả Loại khác.

Mã hàng	AHKFTA
8441.80.10	0%
8465.99.60	0%
8479.89.39	Không cam kết

- Phương án xử lý: Thuế suất MFN các dòng AHTN 2017 đã về 0%, bên cạnh đó, thuế suất dòng 8465.99.60 (tại VCF TA) sẽ về 0% vào năm 2024, do đó, để xuất nhập dòng lấy thuế suất 0%. Không gây ra tác động giảm thu ngân sách

70. Mã hàng 8517.62.43 có mô tả Bộ điều khiển và bộ điều hợp, bao gồm công, cầu nối, bộ định tuyến và các thiết bị tương tự khác chỉ được thiết kế để kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71

- Được gộp từ 2 mã là 8517.62.21 có mô tả Bộ điều khiển và bộ thích ứng (adaptor), kể cả công nối, cầu nối và bộ định tuyến và 8517.62.29 có mô tả Loại khác.

- Chênh lệch thuế suất tại AHKFTA (Mã 8517.62.21 là không cam kết, Mã 8517.62.29 là 0%)

- Phương án xử lý: Nhập dòng và lấy thuế suất mã hàng 8517.62.43 là 0% đối với AHKFTA do MFN hai mã AHTN 2017 trên đều bằng 0%. Đối với các FTA/PTA khác thực hiện theo thuế suất đã cam kết với mã 8517.62.43.

❖ Chương 85

71. Mã hàng 8524.91.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun màn hình det, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng, bảng tính thể lỏng

72. Mã hàng 8524.92.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun màn hình det, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng, bảng đi-ốt phát quang hữu cơ (OLED)

73. Mã hàng 8524.99.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun màn hình det, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng, loại khác

- Các mã này đều được gộp từ một phần của 3 mã là 8473.30.90 có mô tả Loại khác; mã 8517.70.21 có mô tả Cửa điện thoại di động (cellular telephones) và mã 8529.90.94 có mô tả Dùng cho màn hình det

- Chênh lệch thuế suất tại AHKFTA, cụ thể như sau: (i) 8473.30.90 (Không cam kết); (ii) 8517.70.21 (Không cam kết); và (iii) 8529.90.94 (0%).

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số tại AHKFTA, cụ thể như sau:

8524.9x.00.10	- - - Dùng cho màn hình det (Tương quan với mã 8529.90.94)
8524.9x.00.20	- - - Cửa điện thoại di động (cellular telephones) (Tương quan với mã 8517.70.21)
8524.9x.00.30	- - - Cửa máy thuộc nhóm 84.71 (Tương quan với mã 8473.30.90)

74. Mã hàng 8536.90.40 (AHTN 2022) có mô tả Kẹp pin dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.11

- Được gộp từ 2 mã là 8536.90.94 có mô tả Loại khác, đầu nối và các bộ phận dùng để nối cho dây dẫn và cáp; dòng điện dưới 16A và mã 8536.90.99 có mô tả Loại khác.

- Chênh lệch thuế suất 2 mã này tại AHKFTA (25% - không cam kết).

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số tại AHKFTA, cụ thể như sau:

8536.90.40 - - Kẹp pin dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.11:

8536.90.40.10 - - - Dòng điện dưới 16A (Tương quan với mã 8536.90.94)

8536.90.40.90 - - - Loại khác (Tương quan với mã 8536.90.99)

75. Mã hàng 8539.51.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun đi-ốt phát quang (LED)

- Được gộp từ 3 mã là 8539.90.20 có mô tả Loại khác, dùng cho đèn của xe có động cơ, 8539.90.90 có mô tả Loại khác và 9405.99.90 có mô tả là Loại khác (Dùng cho đèn và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, trừ loại bằng thủy tinh hoặc plastic)

- Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA, cụ thể như sau: (i) 8539.90.20 (9%); (ii) 8539.90.90 (0%); và (iii) 9405.99.90 (12%).

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số tại AHKFTA, cụ thể:

8539.51.00 - - Mô-đun đi-ốt phát quang (LED):

8539.51.00.10 - - - Dùng cho đèn và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, trừ loại bằng thủy tinh hoặc plastic (Tương quan với mã 9405.99.90)

8539.51.00.20 - - - Loại khác, dùng cho đèn của xe có động cơ (Tương quan với mã 8539.90.20)

8539.51.00.90 - - - Loại khác (Tương quan với mã 8539.90.90)

76. Mã hàng 8539.90.30 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, của phân nhóm 8539.51.00

- Được gộp từ 2 mã là 8539.90.90 có mô tả Loại khác và 9405.99.90 có mô tả là Loại khác (Dùng cho đèn và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, trừ loại bằng thủy tinh hoặc plastic)

- Có sự chênh lệch thuế suất tại AHKFTA, cụ thể như sau: (i) 8539.90.90

(0%); và (ii) 9405.99.90 (12%).

Mã hàng	AHKFTA
8539.90.90	0%
9405.99.90	12%

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số tại AHKFTA, cụ thể:

8539.90.30 - - Loại khác, của phân nhóm 8539.51.00:

8539.90.30.10 - - - Dùng cho đèn và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, trừ loại bằng thủy tinh hoặc plastic (Tương quan với mã 9405.99.90)

8539.90.30.90 - - - Loại khác (Tương quan với mã 8539.90.90)
